TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/TCDS- ST
Ngày : 31 - 7 - 2018.
"V/v tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trương Quang Huy
Ông Trương Hải nam
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST-DS ngày 28/3/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 25/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Có mặt tại phiên tòa
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình,
Vắng mặt lần thứ hai không có ly do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2018; bản tự khai và biên bản hòa giải thì đại diện của nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày: Ngày 01/8/2011 bà Nguyễn Thị G có ký kết hợp đồng tín dụng số 947/HĐTD vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân xã T số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 1,8%/tháng, mục đích vay là để xây dựng chuồng trại nuôi lợn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 200m2 đất ở nông thôn và 270m2 đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn M có trị giá

45.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói là tài sản gắn liền với đất trị giá 35.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947/HĐTC ngày 01/8/2011. Đến ngày 13/10/2011 bà Nguyễn Thị G tiếp tục vay quỹ tín dụng xã T với số tiền 30.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 947A/HĐTD, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,68%/tháng, mục đích vay là xây dựng chuồng trại nuôi lợn, tài sản đảm bảo khoản vay là đất ở nông thôn 200m2, đất vườn 270m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn Mùi có trị giá 60.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói là tài sản gắn liền với đất trị giá 50.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947A/HĐTC ngày 13/10/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị G đã trả lãi được 04 tháng và trả gốc được 10.000.000đ, sau đó không trả lãi theo cam kết của hợp đồng. Quỹ tín dụng nhân dân xã T đã nhiều lần thông báo, làm việc nhưng bà Gái trốn tránh, không chịu trả. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, Quỹ tín dụng nhân dân xã T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình giải quyết buộc bà Nguyễn Thị G phải trả nợ cho Quỹ tín dụng số tiền 113.991.000đ(trong đó: tiền nợ gốc là 70.000.000đ; tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 23/3/2018 là 43.991.000đ) và tiền lãi phát sinh, lãi phạt vi phạm hợp đồng sau ngày khởi kiện 23/3/2018. Đồng thời đề nghị xử lý tài sản đảm bảo mà bà G thế chấp cho quỹ tín dụng để đảm bảo thu hồi vốn.

Tại phiên tòa ông Lê Xuân T là người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng xã T chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Gái trả nợ cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện(đến ngày nộp đơn khởi kiện là 113.991.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 70.000.000đ; tiền nợ lãi là 43.991.000đ). Nếu sau khi xét xử sơ thẩm bà G không thực hiện nghĩa vụ thì tiếp tục tính lãi theo hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 28/5/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Ngày 01/8/2011 bà có ký kết hợp đồng số 947/HĐTD vay của Quỹ tín dụng xã T số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 1,8%/tháng, mục đích vay là để xây dựng chuồng trại nuôi lợn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 200m2 đất ở nông thôn và 270m2 đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn M có trị giá 45.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói là tài sản gắn liền với đất trị giá 35.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947/HĐTC ngày 01/8/2011. Ngày 13/10/2011 bà tiếp tục vay Quỹ tín dụng nhân dân xã T với số tiền 30.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 947A/HĐTD, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,68%/tháng, mục đích vay là xây dựng chuồng trại nuôi lợn, tài sản đảm bảo khoản vay là đất ở nông thôn 200m2, đất vườn 270m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn M có trị giá 60.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói là tài sản gắn liền với đất trị giá 50.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947A/HĐTC ngày 13/10/2011. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bà mới chỉ trả lãi được 4 tháng và 10.000.000đ tiền gốc, từ đó đến nay do điều kiện làm ăn gặp nhiều rủi ro,

thua lỗ, bản thân bà hay đau ốm nên không thực hiện được việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã T. Nay Quỹ tín dụng xã T khởi kiện yêu cầu bà trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/3/2018(ngày khởi kiện) là 113.991.000đ thì bà hoàn toàn nhất trí, tuy nhiên bà xin hẹn đến ngày 08/6/2018 bà sẽ trả đủ toàn bộ số tiền trên đồng thời bà xin được trả số tiền 30.000.000đ, số còn lại đề nghị Quỹ tín dụng cho bà đáo hạn để bà có điều kiện trả nợ dần. Tuy nhiên phía đại diện của Quỹ tín dụng xã T không nhất trí nên hai bên không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị G (Địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã Cam Thủy, huyện L, tỉnh Quảng Bình) có hai lần vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã T cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 01/8/2011 bà Nguyễn Thị G có ký kết hợp đồng tín dụng số 947/HĐTD vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 1,8%/tháng, mục đích vay là để xây dựng chuồng trại nuôi lợn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 200m2 đất ở nông thôn và 270m2 đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563) trị giá 45.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói trị giá 35.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947/HĐTC ngày 01/8/2011.

Lần thứ hai vào ngày 13/10/2011 bà Nguyễn Thị G ký kết hợp đồng tín dụng số 947A/HĐTD vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,68%/tháng, mục đích vay là xây dựng chuồng trại nuôi lợn. Tài sản đảm bảo khoản vay là đất ở nông thôn 200m2, đất vườn 270m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn M có trị giá 60.000.000đ; nhà xây mái lợp ngói là tài sản gắn liền với đất có trị giá 50.000.000đ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 947A/HĐTC ngày 13/10/2011.

(Tất cả các lần vay đều có chữ ký của bà Nguyễn Thị G và bà G thừa nhận số nợ đúng như yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã T).

Trong quá trình vay bà Nguyễn Thị G không trả lãi và gốc đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền của các bên.(Bà G mới trả được 10.000.000đ tiền nợ gốc và 04 tháng tiền lãi).

[2] Tại bản tự khai và buổi hòa giải ngày 28/5/2018 bà Nguyễn Thị G đều thừa nhận việc vay tiền và số tiền nợ mà Quỹ tín dụng xã T khởi kiện. Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị G phải trả nợ cho Quỹ tín dụng số tiền nói trên là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Tại Tòa án và tại phiên tòa ông Lê Xuân T là người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng xã T chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị G trả nợ cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện (đến ngày nộp đơn khởi kiện là 113.991.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 70.000.000đ; tiền nợ lãi là 43.991.000đ), số tiền nợ này đã

được bà G đồng ý, đồng thời ông T yêu cầu tính lãi sau khi bản án có hiệu lực mà bà G không thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền gốc chưa trả. Xét thấy yêu cầu của ông Lê Xuân T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí theo luật định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 290; khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Nguyễn Thị G có địa chỉ tại: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình phải trả nợ cho Quỹ tín dụng xã T (do ông Lê Xuân T làm chủ tịch Hội đồng quản trị) số tiền nợ 113.991.000đ (Một trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 70.000.000đ(Bảy mươi triệu đồng); số tiền nợ lãi là 43.991.000đ (Bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2018) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc còn phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã T theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng vay tiền.

Giao cho Quỹ tín dụng nhân dân xã T tiếp tục tạm giữ các loại giấy tờ, tài sản liên quan đến việc thế chấp tài sản giữa bà Nguyễn Thị G với Quỹ tín dụng nhân dân xã T để đảm bảo thi hành án(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B300563 do UBND huyện L cấp ngày 04 tháng 4 năm 1992 mang tên Võ Văn M và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp).

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử buộc bà Nguyễn Thị G phải chịu 5.699.550 (Năm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Quỹ tín dụng nhân dân xã T (do ông Lê Xuân T làm chủ tịch Hội đồng quản trị) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) mà Quỹ tín dụng nhân dân xã T (do ông Lê Văn D) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0001735 ngày 28/3/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự (có mặt)có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bà Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bà thường trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND h L;
- Chi cục THADS h L;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu VP, HS.